

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2018

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hưon.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 282/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 280/5, tổ 21, khu B, thị trấn T, huyện LT, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 280/5, tổ 21, khu C, thị trấn T, huyện LT, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 2 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông và bà Trần Thị Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2006 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay mà không hàn gắn đoàn tụ được. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên ông xin được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc H.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị Ngọc H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 13/4/2004 hiện đang sống với bà H. Trường hợp ly hôn, ông có nguyện vọng giao cháu Tr cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc H trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Vợ chồng bà chung sống với nhau thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay mà không hàn gắn đoàn tụ được. Nay ông V xin ly hôn bà tại Tòa án thì bà đồng ý ly hôn với ông V vì xác định vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn V có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 13/4/2004 hiện đang sống với bà. Trường hợp ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tr, yêu cầu ông Việt có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà Trần Thị Ngọc H. Vì vậy quan hệ pháp luật: Tranh chấp ly hôn là đúng và đầy đủ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về thẩm quyền: Vụ án này nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ tại Long Thành nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết là đúng thẩm quyền về vụ việc, về lãnh thổ, về cấp theo quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

- Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án hôn nhân gia đình không đặt ra thời hiệu khởi kiện.

Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo sự vô tư, khách quan. Thủ tục phiên tòa thực hiện đầy đủ, đúng quy định của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về hôn nhân đây là hôn nhân không hợp pháp vì ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị Ngọc H sống chung với nhau từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung ban đầu

hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông bà có sự khác biệt nhau về quan điểm sống, ông bà đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay nhưng không hàn gắn đoàn tụ được. Hiện tại ông cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt mong muốn được ly hôn.

Theo xác minh của chính quyền địa phương thì ông V, bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương. Nên căn cứ vào khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Việt và bà Huyền.

Con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 13/4/2004. Ly hôn, ông Việt có nguyện vọng giao cháu Tr cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Quá trình làm việc tại tòa án bà H trình bày đồng ý với yêu cầu của ông V về con chung và cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 13/4/2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng).

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Ngọc H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Huyền theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn bà Trần Thị Ngọc H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[3]. Về nội dung: Ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị Ngọc H khai nhận tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng thời gian về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, khác biệt về quan điểm sống, ông bà đã sống ly thân từ năm 2010 đến

nay mà không hàn gắn đoàn tụ được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông V xin ly hôn bà H tại Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V về việc xin ly hôn với bà Trần Thị Ngọc H thì thấy rằng ông V, bà H khai tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Tại biên bản xác minh ngày 16/5/2018 tại UBND thị trấn Long Thành, huyện Long Thành thể hiện ông V, bà H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương. Về thời điểm ông V, bà H bắt đầu chung sống với nhau thì địa phương không nắm rõ do ông V, bà H không trình báo. Mặt khác con chung của ông V, bà H là cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày: 13/4/2004. Do đó, có cơ sở xác định ông V, bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quan hệ hôn nhân thực tế theo quy định của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Việc ông V, bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ sau ngày 03/01/1987 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nay một trong hai bên có yêu cầu ly hôn Tòa án áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận vợ chồng.

Về con chung: Ông V, bà H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 13/4/2004. Ly hôn, ông V có nguyện vọng giao cháu Tr cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bà H đồng ý nên chấp nhận ý kiến của ông V về việc giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 13/4/2001 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Ông V là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị Ngọc H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 13/4/2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông V, bà H vẫn có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung. Ông V được quyền đến thăm con, không ai được cản trở ông V thực hiện quyền này. Ông V được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo bên lai số 002169 ngày 27/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Ông V còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Ông V được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, bà H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

*** Nơi nhận :**

- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

Phạm Văn Huynh – Lưu Đức Chung

Nguyễn Văn Thành